| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-4-2023

V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Lưu Đức Chung.

2. Ông Nguyễn Văn Ba.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Linh Phương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 940/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Tâm Th, sinh năm 1985.

(Chị Th vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 91, đường TT, tổ 5, khu phố 2, thị trấn VA, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1986.

(Anh T vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Số 3/28, tổ 6, ấp 2, xã BC, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2022, các lời khai có tại hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Tâm Th trình bày**:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện LT (Giấy

chứng nhận kết hôn số 102/2018 ngày 31/7/2018). Trong quá trình chung sống, anh chị sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng bàn bạc để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Từ tháng 9/2019, chị dẫn con về chung sống với ba, mẹ ruột ở huyện VC và sống ly thân anh T cho đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết, đã triệu tập nhiều lần nhưng anh T không tham gia, do tính chất công việc chị không thể đi lại nhiều lần, vì vậy, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Hiện chị không còn tình cảm với anh T, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 03/02/2018, hiện cháu K đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Về cấp dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, để anh T tự nguyện theo khả năng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

**- Bị đơn anh Nguyễn Quốc T vắng mặt không có lý do.**

**- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành**:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định và có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai chị Th và chứng cứ tại hồ sơ thể hiện quá trình chung sống, chị Th và anh T sống không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn, không bàn bạc đoàn tụ được, thời gian ly thân kéo dài. Anh T đã được Tòa án triệu tập tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, chị Th yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

+ Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 03/02/2018. Ly hôn, chị Th yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K. Xét hiện cháu K đang do chị Th nuôi dưỡng, chị Th đảm bảo nuôi dưỡng con tốt nên đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị Th nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng chị Th không yêu cầu nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền*:* Vụ án thuộc loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh Nguyễn Quốc T có nơi cư trú tại xã BC, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

**[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị Th và anh T xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2018 ngày 31/7/2018 tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện LT nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cũng như thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T nhưng anh T không chấp hành tống đạt của Tòa án nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được. Cho thấy anh T không có trách nhiệm đối với mối quan hệ hôn nhân với chị Th, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định. Vì vậy, căn cứ lời khai, chứng cứ chị Th cung cấp cũng như kết quả xác minh tại địa phương cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, sống không hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2019 không bàn bạc đoàn tụ được, mục đích hôn nhân không đạt theo như lời khai của chị Th là hoàn toàn có căn cứ. Vì vậy, việc chị Th yêu cầu được ly hôn anh T là có cơ sở chấp nhận.

+ Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 03/02/2018, hiện cháu K đang do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét hiện tại chị Th có việc làm ổn định và có khả năng chăm sóc tốt cho cháu K. Vì vậy, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là có cơ sở nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

**[3] Về án phí**: Theo luật định chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1/** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Tâm Th đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Xử cho chị Phan Thị Tâm Th được ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

**2/** Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 03/02/2018. Xử giao cho chị Phan Thị Tâm Th được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu K.

Về cấp dưỡng chị Th không yêu cầu nên không xem xét.

Vì quyền lợi của cháu K, anh T được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Trừ trường hợp anh T bị hạn chế quyền thăm nom con theo quy định tại Điều 82 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

**3/** Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

**4/** Về án phí: Chị Phan Thị Tâm Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006528 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị Th đã nộp đủ án phí.

**5/** Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- UBND xã BC,huyện Long Thành (1);
- Đương sự (2);
- Lưu (3).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Hà**